

# CƠ SỞ TIẾN HÀNH BIÊN SOẠN CÔNG TRÌNH BÁCH KHOA THƯ NGHỀ GỐM TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

ĐẶNG HOÀNG HẢI\*

**Tóm tắt:** Nghề gốm truyền thống được coi là một trong những nghề quan trọng của các cộng đồng dân tộc ở nước ta. Nghề gốm xuất hiện phổ biến trong đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số, tuy nhiên, ở mỗi dân tộc nghề gốm lại có những đặc trưng riêng. Điều này phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, văn hóa, thẩm mỹ,... của mỗi dân tộc. Việc tổ chức biên soạn công trình *Bách khoa thư nghề gốm truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam* sẽ góp phần hệ thống hóa tri thức, cập nhật thông tin một cách chính xác về quá trình hình thành, phát triển của nghề gốm các dân tộc thiểu số Việt Nam. Bài viết đề cập đến cơ sở lý thuyết, cơ sở thực tiễn và đề xuất mô hình cấu trúc biên soạn công trình này.

**Từ khóa:** Bách khoa thư, nghề gốm truyền thống, dân tộc thiểu số, Việt Nam.

**Abstract:** Traditional pottery is considered one of the important occupations of ethnic communities in our country. Pottery appears popular in the cultural life of ethnic minorities, however, each ethnic community has its own characteristics. They depend on the natural conditions, culture, aesthetics, etc. of each ethnic community. The compilation of the *Encyclopedia of Traditional Pottery of Ethnic Minorities in Vietnam* will contribute to systematizing knowledge and updating accurate information on the process of formation and development of pottery of ethnic minorities in Vietnam. The article mentions the theoretical basis, the practical basis and proposes a model for compiling this work.

**Keywords:** Encyclopedia, traditional pottery, ethnic minorities, Vietnam.

## 1. Đặt vấn đề

Nghề gốm của các đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam hình thành và phát triển rất sớm, gắn bó rất mật thiết với cuộc sống mưu sinh. Sản phẩm của nghề gốm ngoài giá trị về mặt kinh tế còn chứa đựng nhiều yếu tố bản sắc văn hóa dân tộc. Để giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc Việt Nam nói chung và các dân tộc thiểu số nói riêng thì nghề gốm truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam cần được giữ gìn, trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Do đó, việc biên soạn công trình *Bách khoa thư nghề gốm truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam* là việc làm cần thiết trong bối cảnh giao lưu và hội nhập văn hóa hiện nay.

## 2. Cơ sở lý thuyết

Trong các công trình tra cứu, định nghĩa về nghề gốm chưa được đề cập một cách rõ ràng, chỉ thấy có định nghĩa về nghề, gốm. Một số định nghĩa trong các từ điển như sau:

\* ThS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: danghahai14@gmail.com

Trong *Từ điển tiếng Việt*:

**nghề** I. d. Công việc chuyên làm theo sự phân công lao động của xã hội. *Nghề dạy học, nghề nông, lâu năm trong nghề, nhà nghề, tay nghề*. II. t. (kng.) Giỏi, thành thạo (trong một việc làm nào đó). *Chụp ảnh rất nghề* [7, tr.676].

**gốm** d. Tên gọi chung sản phẩm chế từ đất sét và hỗn hợp đất sét nung, như đồ đất nung, sành, sứ,... *Đồ gốm tráng men* [7, tr.411].

**truyền thống** I. d. Thói quen hình thành đã lâu đời trong lối sống và nếp nghĩ, được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác. *Truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Kế tục và phát huy những truyền thống tốt đẹp*. II. t. Có tính chất truyền thống, được truyền lại từ các đời trước. *Nghề thủ công truyền thống của làng* [7, tr.1053].

Trong *Đại từ điển tiếng Việt*:

**Nghề** I. dt. Công việc chuyên làm theo sự phân công của xã hội: nghề giáo, nghề nông. II. tt. Thành thạo trong một công việc nào đó: chuyên bóng rất nghề, bắn rất nghề [12, tr.1192].

**Gốm** dt. Các sản phẩm chế từ đất sét nung nói chung: *nghề gốm, đồ gốm* [12, tr.759].

**Truyền thống** I. dt. Nền nếp, thói quen tốt đẹp được lưu giữ từ đời này qua đời khác: *truyền thống yêu nước. Truyền thống đoàn kết chống giặc ngoại xâm. Gia đình có truyền thống hiếu học*. II. tt. Có tính chất lâu đời, cổ truyền: *nghề thủ công truyền thống* [12, tr.1134].

Như vậy, nghề gốm truyền thống là công việc dùng đất sét để làm ra các sản phẩm phục vụ đời sống. Nghề này có tính chất truyền thống, được truyền lại từ các đời trước. Sản phẩm của nghề gốm có giá trị sử dụng, giá trị thẩm mỹ, mang đậm nét bản sắc văn hoá dân tộc.

Nghề gốm truyền thống các dân tộc thiểu số có một số yếu tố nổi bật như sau: Đó là những nghề phi nông nghiệp tồn tại và phát triển lâu đời; nghề sinh ra từ làng quê thôn bản của đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam; sản phẩm mang tính thủ công và kỹ thuật của sản phẩm dựa vào bàn tay khéo léo của mỗi người; nguyên liệu sẵn có tại địa phương; nghề được duy trì từ đời này sang đời khác; sản phẩm thường mang tính đơn chiếc.

Chúng tôi tiến hành khảo cứu các mục từ nghề gốm và các mục có liên quan đến nghề gốm nói chung trong một số công trình bách khoa để có cái nhìn khái quát về các mục từ này.

- *Từ điển phổ thông ngành nghề truyền thống Việt Nam* [5] do Phan Ngọc Liên làm Chủ biên:

Cấu trúc vĩ mô: gồm các mục từ: nghề gốm, nghề gốm Biên Hòa, gốm Bát Tràng, gốm Biên Hòa, gốm đen Thoại Sơn, gốm Phù Lãng, gốm sành Hương Canh, gốm sành Thổ Hà, gốm sành Lò Chum, gốm thô, gốm tráng men. Như vậy, trong công trình này có các loại: nghề gốm nói chung, nghề gốm gắn với địa danh (Biên Hòa, Bát Tràng, Phù Lãng, Thoại Sơn, Hương Canh, Thổ Hà, Lò Chum) và tính chất gắn với loại gốm (thô, tráng men).

Cấu trúc vi mô: đặc tính, nhận diện, địa danh sản xuất, sản phẩm. Nội dung thông tin trong các mục chủ yếu là gắn với người Kinh.

- *Từ điển bách khoa Việt Nam* [1], [2] do Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam biên soạn:

Cấu trúc vĩ mô: có các mục từ liên quan đến nghề gốm như sau: gốm, gốm Bát Tràng, gốm hoa lam, gốm hoa nâu, gốm màu, gốm kỹ thuật điện, gốm kim loại, gốm

văn in, gốm màu trên men, gốm men ngọc, gốm siêu dẫn, gốm văn in, gốm vận thăng, gốm Việt Nam.

Cấu trúc vi mô: đa số các mục từ có cấu trúc: khái niệm, cách thức, chất liệu, thời gian ra đời, sự phát triển, địa điểm, đặc điểm, kỹ thuật, sản phẩm. Tuy nhiên, không phải 100% các mục từ tuân thủ cấu trúc vi mô như trên. Có những mục có thêm những thông tin bổ sung. Nội dung thông tin trong các mục chủ yếu là gắn với người Kinh.

- *Từ điển Việt Nam văn hóa tín ngưỡng phong tục* [4] của Vũ Ngọc Khánh:

Cấu trúc vĩ mô: gồm các mục từ: nghề gốm, nghề gốm Biên Hòa, gốm Bát Tràng, gốm Biên Hòa, gốm Chăm Bàu Trúc, gốm đen, gốm đen Thoại Sơn, gốm Phù Lãng, gốm Hương Canh, gốm sành Phù Lãng, gốm Phùng Nguyên, gốm Sa Huỳnh, gốm sành Lò Chum, gốm sành Thổ Hà, gốm thô, gốm tráng men, gốm Tràng Kênh.

Cấu trúc vi mô: đặc tính, nhận diện, địa danh sản xuất, sản phẩm. Nội dung thông tin trong các mục chủ yếu là gắn với người Kinh, thông tin đưa vào các mục chủ yếu là những thông tin cơ bản.

Thực tế thì từ trước tới nay không chỉ trong ba công trình kể trên mà hầu hết các công trình bách khoa chưa dành cho nghề gốm truyền thống của các dân tộc thiểu số Việt Nam một vị trí xứng đáng và nếu được nhắc tới cũng rất mờ nhạt. Đây có thể coi là một sự thiếu vắng không đáng có, bởi nước ta có 53 dân tộc thiểu số, nghề gốm đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống tự cấp, tự túc của đồng bào dân tộc thiểu số. Do đó việc lưu giữ, bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa của nghề gốm nói riêng, nghề thủ công nói chung cần được lưu tâm.

### 3. Cơ sở thực tiễn

Do nhu cầu của cuộc sống, nghề gốm đã

xuất hiện ở nhiều vùng dân tộc thiểu số, chủ yếu ở các dân tộc có điều kiện địa lý là gần sông, biển và thuận lợi trong việc khai thác đất để làm gốm, như ở các dân tộc Ba Na, Cơ Tu (Trường Sơn - Tây Nguyên), Thái (Mường Chanh - Sơn La), Chăm (Ninh Thuận - Bình Thuận), Hoa, Lào, Bô Y, Chu Ru, Mnông, Ê Đê, Tà Ôi,... Công việc làm gốm được bắt đầu từ sáng sớm - lúc mặt trời lên là tất cả các thành viên trong gia đình tham gia. Thường thì, đàn ông ở các gia đình phụ trách các khâu quan trọng như: hình thành sản phẩm, xếp gốm vào lò, nung gốm, còn phụ nữ và trẻ em tham gia gia công nguyên liệu, quay bàn xoay. Ở một số dân tộc như dân tộc Chăm ở tỉnh Ninh Thuận (gốm Bàu Trúc), dân tộc Chăm ở tỉnh Bình Thuận (gốm Bình Đức), hoạt động sản xuất này do người phụ nữ đảm nhận và nghề chỉ truyền cho con gái. Mặc dù kỹ thuật làm gốm đơn giản và thô sơ nhưng sản phẩm làm ra rất đa dạng: nồi, ấm, vò, hũ,... Để làm ra một sản phẩm, người thợ phải trải qua nhiều công đoạn không hoàn toàn giống nhau mà có những kỹ thuật và tri thức khác nhau. Nghề gốm ở mỗi dân tộc có một sắc thái riêng, nhìn vào có thể biết được của dân tộc nào. Nổi tiếng nhất là nghề gốm của dân tộc Thái ở Sơn La (gốm Mường Chanh), dân tộc Chăm ở Ninh Thuận (gốm Bàu Trúc), làng Chăm Bình Đức (xã Phan Hiệp, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận),... *Ở những nơi này, kỹ thuật làm gốm khá cao, sản phẩm có chất lượng, có tính thẩm mỹ và độc đáo.* Do sản xuất còn mang tính tự cấp tự túc, hình thức sản xuất theo hộ gia đình, khối lượng sản phẩm làm ra chưa nhiều, phạm vi trao đổi chỉ đóng khung trong từng khu vực, ít có các phường hội, làng nghề.

Hiện nay, với sự phát triển của kinh tế - xã hội và sự phát triển của nền kinh tế thị

trường làm thay đổi cơ cấu dân cư. Nhiều mặt hàng công nghiệp xuất hiện đang dần thay thế nghề thủ công truyền thống nói chung và nghề gốm nói riêng, vấn đề vốn và đầu ra cũng gặp nhiều khó khăn. Thêm nữa, có hiện tượng thế hệ trẻ không còn thiết tha với nghề. Nghề gốm đang đứng trước nguy cơ mất vai trò tự chủ và từng bước bị mai một. Để duy trì và phát triển nghề thủ công nói chung và nghề gốm đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng thì cần đưa du lịch đến gần với các sản phẩm văn hóa của người dân địa phương. Các sản phẩm văn hóa (nghề gốm) đóng vai trò trong việc thu hút khách du lịch và tạo nên sự khác biệt giữa các vùng. Đây được xem là nguồn lực chính để phát triển kinh tế ở địa phương. Bên cạnh đó, sự giao lưu du nhập với quốc tế một cách có chọn lọc sẽ góp phần làm cho nghề gốm phát triển lâu dài một cách bền vững.

Việc tiến hành biên soạn công trình *Bách khoa thư nghề gốm truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam* không chỉ góp phần giới thiệu một cách tương đối toàn diện những tri thức về nghề gốm truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam mà còn có ý nghĩa về mặt khoa học, kinh tế và quảng bá du lịch, tôn vinh vốn văn hóa cổ truyền, góp phần bảo lưu và phát triển những nét bản sắc của các dân tộc này.

#### **4. Đề xuất mô hình cấu trúc của công trình *Bách khoa thư nghề gốm truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam***

Để tiến tới biên soạn các loại mục từ trong *Bách khoa thư nghề gốm truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam* cần chú ý tới công tác nghiên cứu, sưu tầm. Dựa trên các tài liệu đã công bố như: từ điển, giáo trình, sách nghiên cứu, luận văn, luận án, tư liệu điền dã tại địa phương để xây dựng bảng mục từ,

đảm bảo mỗi mục từ phải được đa số các thành viên trong cộng đồng dân tộc thiểu số thừa nhận hoặc đã được kiểm chứng.

##### **4.1. Cấu trúc vĩ mô**

Cấu trúc vĩ mô của công trình *Bách khoa thư nghề gốm truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam* chính là bảng mục từ. Trong bảng mục từ, nên có sự cân đối giữa các mục từ được đưa vào, tránh tình trạng tỉ lệ ở loại mục từ này quá nhiều, mục từ kia quá ít, dẫn đến sự chênh lệch giữa các mục. Tên của các mục từ cần được định danh cụ thể: “gốm + x (là tên địa danh có nghề)”. Ví dụ: nghề gốm Mường Chanh, nghề gốm Bàu Trúc, nghề gốm Chăm,...

##### **4.2. Cấu trúc vi mô**

Cấu trúc vi mô bao gồm những nội dung tri thức cơ bản được đề cập đến liên quan đến mục từ, lượng thông tin đưa vào từng mục từ tương đương với quy mô của một cuốn bách khoa thư.

Có thể đề xuất một mô hình lý tưởng cho các loại mục từ như sau:

##### **1. Nghề gốm**

- Tên đầu mục: tên nghề gốm + x (là tên địa danh có nghề);
- Thời gian và địa điểm phát sinh;
- Tên cộng đồng có nghề;
- Miêu tả: nguyên liệu, công cụ sản xuất, quy trình, kỹ thuật, sản phẩm, tiêu chuẩn của sản phẩm, công dụng, cách dùng, cách bảo quản;
- Tình trạng nghề (còn hay đã mai một);
- Tác dụng và ảnh hưởng đối với văn hóa cộng đồng;
- Tên người biên soạn.

(Lưu ý: Trong mục từ này nếu có làng nghề thì đưa vào các thông tin như: tên tổ

chức, làng nghề; khái quát về tổ chức, làng nghề (tổ chức: năm thành lập, mục đích, thời gian, địa điểm, quá trình hoạt động,...; làng nghề: vị trí địa lý, điều kiện xã hội và tự nhiên, người có công với nghề như: tổ nghề, nghệ nhân, người có đóng góp cho sự phát triển của nghề).

## 2. Công cụ

- Tên đầu mục từ: tên công cụ;
- Mô tả: hình dáng, kích cỡ, công dụng, cách sử dụng, bảo quản;
- Tên người biên soạn.

## 3. Sản phẩm

- Tên đầu mục: tên sản phẩm;
- Định nghĩa;
- Miêu tả: nguyên liệu, cách làm, kỹ thuật, công dụng, cách sử dụng, bảo quản;
- Tên người biên soạn.

Ví dụ:

**NGHỀ GÓM CHĂM** có ở đồng bào Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận. Đây là nghề truyền thống của dân tộc Chăm. Nghề được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Đến nay thì chưa biết nghề gốm Chăm ra đời từ bao giờ và ai là người sáng tạo ra.

Nghệ nhân được vinh danh làm gốm Chăm có nhiều, tiêu biểu là: nghệ nhân Lâm Hùng Sỏi, Đặng Văn Sơn ở Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận; nghệ nhân Đặng Thị Phan ở thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Năm 2006, nghệ nhân Đặng Thị Phan là nghệ nhân gốm Việt Nam duy nhất được sang Malaysia, Ấn Độ, Nhật Bản,... trong vòng 2 tháng để thi tay nghề và đã đạt giải nhất.

Nguyên liệu: *Chọn đất và lấy đất*: đất được lấy từ ruộng về vì tương đối ẩm nên người Chăm phải đem trải ra sân phơi cho khô để dễ đập vụn nhỏ. Sau đó, họ cho vào lu gốm ngâm nước hơn một ngày. Để biết đất ngâm đã được chưa, người thợ lấy tay bóp đất, nếu đất dính chặt vào tay là được, sau đó lấy ra trộn với cát. Khi đất mềm đều,

quyện dẻo lại là đất dùng để nặn gốm được. Xưa kia, người làm gốm dùng cối, dùng chày để giã đất. Cối cũng làm từ gỗ cây dẻ, to và rộng, đường kính bằng nửa cánh tay người lớn. Công việc đập đất thường do người phụ nữ đảm nhận. Thời gian trung bình một người đập một quả đất là khoảng 10 - 15 phút. Mỗi quả đất như vậy đủ cho người thợ gốm nặn sản phẩm trong một buổi. *Kỹ thuật*: quy trình làm gốm gồm các công đoạn cơ bản: tạo hình, tu sửa và trang trí mặt ngoài, nung gốm. Khâu nào cũng quan trọng và là yếu tố làm nên sản phẩm có chất lượng và mang tính thẩm mỹ của gốm. Đặc biệt giữa các khâu có mối quan hệ chặt chẽ, quy định lẫn nhau. *Tạo hình*: những người thợ gốm có kinh nghiệm thường chọn vị trí nặn gốm ở gầm sân phía đầu hồi hướng Đông Nam. Bởi đây là vị trí thích hợp cho việc làm gốm. Buổi sáng, khi nhiệt độ còn thấp, ở vị trí này ánh sáng giúp người ta ấm áp, càng về trưa và đến chiều, nhiệt độ tăng cao, đây là vị trí có bóng râm mát và đón gió, giúp người thợ gốm được làm việc trong điều kiện thoải mái nhất. Mặt khác, đây là hướng giúp cho sản phẩm nhanh khô và được định hình chắc chắn theo ý muốn. *Công cụ để tạo hình gốm*: dây cắt dùng để cắt khối đất thành từng miếng nhỏ, vừa với yêu cầu nặn từng bộ phận trong quá trình tạo hình. Dây này là dây mỏng và dai, dùng để cắt miếng sản phẩm cho bằng. Dao tre: dài khoảng 22 - 25 cm, rộng 1 - 1,5 cm, có một đầu vát nhọn để cắt đất, còn đầu kia có 2 khía để chạm hoa văn. Máng đựng nước và miếng vải dũi dày: là công cụ không thể thiếu hỗ trợ người thợ trong cả 3 khâu chế tác gốm. *Kỹ thuật tạo hình gốm*: giống như người Chu Ru, Giẻ Triêng,... người Chăm không dùng bàn xoay. Người Chăm dùng hai tay, một tay quay khối đất, tay kia ấn nặn tạo thành lỗ lõm trong lòng khối đất, dùng ngón cái ấn tiếp, cuối cùng lấy ra ở lõi giữa một cục đất thừa và đặt nó lên đáy một lu lớn úp ngược (cao khoảng 60 cm). Bắt đầu những thao tác kéo vuốt tạo thân, miệng. Song trước khi đặt khối đất lên đáy lu, người ta phải chắm “đáy khối đất vào cát để chống dính”. Để kéo vuốt phần thân, người thợ chỉ dùng hai tay. Động tác phỏ

biến ở khâu này là tay trái duỗi thẳng đỡ bên ngoài, trong khi tay phải để ở bên trong và vừa vuốt vừa kéo miết cho thành gổm cao dần lên. Tay luôn miết theo chiều xéo, người chuyển động từ từ phù hợp với động tác tay. Người luôn đi giạt lùi ngược kim đồng hồ nếu tay phải để trong, theo chiều kim đồng hồ nếu tay phải để ngoài. Xong phần thân đồ gổm, người thợ chuyển sang thao tác nông dầy cho rộng ra đồng thời nén ấn cho đất kết chặt vào nhau hơn. Tiếp đến là thao tác vuốt thân cho phẳng đều, nhẵn mặt (tương đối). Động tác tay ở đây cũng tương tự thao tác trước, một tay đỡ ngoài, một tay miết trong hay ngược lại. Sau đó đến thao tác tạo miệng đối với những đồ gổm nhỏ. Đối với những đồ gổm lớn, có thêm thao tác nổi thân bằng những con chạch đất. Số lượng con chạch cần nổi thêm nhiều hay ít (thường nhiều nhất là 6, ít nhất là 1) tùy thuộc vào kích cỡ của các loại đồ gổm. Điều chú ý là, sau khi xong dầy và phần thân dưới, người ta phải để khoảng 10 - 15 phút cho đất se lại rồi mới bắt đầu thao tác nổi con chạch. Sau mỗi lần gấn con chạch phải miết liền thổ và ấn kéo cho con chạch đất hình trụ tròn trở thành phiến đất dẹt, bản rộng 7 - 8 cm. Miết liền thổ kỹ ở mặt ngoài, mặt trong vẫn thấy rõ chỗ tiếp nối. Mỗi lần miết xong một con chạch lại phải để khoảng 10 phút cho đất se bớt rồi mới nối tiếp. Người thợ dùng móng tay cái của mình để miết liền thổ. Thông thường, mỗi thợ gổm cùng một lúc làm từ 3 - 4 chiếc. Làm đồ gổm lớn còn khác làm đồ gổm nhỏ ở chỗ, nếu như đồ gổm nhỏ được làm miệng tương đối hoàn chỉnh rồi mới sửa thân, thì đối với đồ gổm lớn lại phải làm theo trình tự ngược lại - sửa thân tương đối hoàn chỉnh rồi mới tạo dáng miệng. Thân đồ gổm lớn được sửa bằng dụng cụ rất đơn giản, một đoạn thân cây mây uốn cong thành hình vòng tròn. Người thợ một tay đỡ phía trong đồ gổm, một tay dùng vòng dầy đó miết đi miết lại mặt ngoài cho nhẵn, phẳng. Phải miết trên toàn thân kể cả phần gờ miệng. Thao tác tạo miệng tương đối đơn giản. Trước hết, người thợ gổm dùng một miếng giẻ nhúng nước chuốt phần thành miệng theo chiều thẳng đứng cho phẳng nhẵn và ẩm hơn. Sau đó bẻ

cho thành miệng loe dần ra. Sau khi miệng đã được làm tương đối hoàn chỉnh, người thợ phải chuyển sang sửa thân bằng chính mảnh giẻ ướt dùng để tạo miệng. Động tác sửa đơn giản, một tay đỡ trong, tay ngoài xòe rộng đỡ lấy mảnh giẻ, xoa đều khắp thân làm cho mặt ngoài nhẵn phẳng đồng thời kết hợp nông rộng bụng đồ gổm ra làm cho hình dáng thân thay đổi chút ít so với trước khi tạo miệng. Sau khi sửa hoàn chỉnh phần thân, người thợ gổm sửa lại phần miệng thêm chút ít, thường là bẻ gập phần bản loe xuống, tạo nên đoạn thành miệng dày dặn, chắc chắn. Khi làm các lu lớn dùng để đựng nước, vì hình dáng thân đã được tu sửa và định hình nên ở giai đoạn sửa sang giữa hai đợt tạo dáng miệng, người thợ sửa chỉ dùng giẻ ướt chuốt kỹ toàn thân. Trên thân để lại những vết xước do sợi vải tạo nên khá rõ ràng cả ở phần thành miệng cũng như trên thân mặt ngoài. Vết xước chạy theo chiều ngang thấy ở miệng và phần thân trên, phần thân dưới là những vết xước chạy xiên chéo.

Sau khi tạo hình xong, phải để cho đồ gổm se khô - có thể để từ sáng đến chiều rồi mới chuyển sang giai đoạn nạo sửa. *Tu sửa và trang trí*: công cụ tu sửa và trang trí mặt ngoài gồm có các loại: hai mảnh tre dài khoảng 7 - 8 cm, rộng 3 - 4 cm và hai mảnh gỗ hình bán nguyệt dài khoảng 10 - 12 cm, rộng khoảng 5 cm để chỉnh hình và chuốt cho đều, nhẵn. Ống thụt bằng tre dài khoảng 35 - 40 cm, đường kính từ 3 - 4 cm để kéo đất thành sợi. Dao tre có 2 đầu, một đầu mảnh để cắt, một đầu có răng cưa để trang trí cũng được sử dụng trong công việc này. Tất cả các công cụ này do người thợ tự tay làm và sử dụng như ý muốn. Họ giữ gìn những công cụ này một cách cẩn thận bởi thiếu các công cụ này thì khâu tu sửa, trang trí sản phẩm sẽ bị gián đoạn. Nạo sửa mặt ngoài: nhằm làm mỏng bớt thành đồ gổm, làm cho mặt trong và phần đáy phẳng nhẵn hơn và tạo hình những đồ gổm có đáy cong hay tròn. Cuối cùng trong khâu tạo hình là dùng sợi móc cắt miệng rồi lấy giẻ ướt vén miệng. Người thợ dùng giẻ ướt để vuốt cho sản phẩm mịn đều, trơn láng mặt ngoài. Trang trí: Hoa văn truyền thống trên các đồ gổm

được khắc chìm hoặc nổi. Đó là những hình đơn giản gắn liền với đời sống của người dân như con cá, sóng nước, dải đất,... Người thợ đắp những vòng dây nổi ở trên sản phẩm với số lượng và hình thức khác nhau dưới hai dạng là dây nổi tròn và dây nổi vuốt nhọn để phân biệt các loại hình sản phẩm. Thông thường, với đồ gốm người thợ phải làm thủ công hoàn thiện từng sản phẩm bởi nếu tách rời các khâu, đất sét bị khô, hết độ dính và dẻo, sản phẩm bị cứng và giòn, không thể sửa chữa, trang trí hay làm thêm bất cứ một phần nào. Vì thế, chỉ khi nào đã hoàn thiện tạo hình, tu sửa mặt ngoài và trang trí sản phẩm xong, người thợ gốm mới được ngưng tay nghỉ ngơi.

Trong quá trình tạo sản phẩm, những hôm trời mưa, nồm, độ ẩm không khí cao, hay do nguyên liệu chứa quá nhiều nước mà sản phẩm lại có thành cao, dễ bị sụn xuống thì trong quá trình nặn thình thoảng người ta lại phải đốt lửa hơ cho khô bớt rồi mới nặn tiếp. Nặn xong, sản phẩm được để ngay dưới gầm sàn hong đến khi nào khô hẳn thì mang đi nung. *Kỹ thuật nung gốm*: trước tiên người thợ phải phơi khô sản phẩm, sản phẩm càng lớn thì thời gian cần để khô càng nhiều. Đối với những chiếc chum to nhất cần mất khoảng 15 - 20 ngày mới khô. Sản phẩm nhỏ thì thời gian ngắn hơn. Để sản phẩm khô trong bóng râm thoáng, khô tự nhiên nhờ gió. Nếu cần làm khô gấp để kịp mẻ nung, người ta bung sản phẩm ra hong nắng ban sớm hoặc chiều tối. Nếu phơi trong nắng to, gốm sẽ dễ bị nứt nẻ. Do đó, khi bắt đầu nặn họ sẽ tạo hình những loại sản phẩm có kích thước lớn trước, các loại kích thước nhỏ hơn sẽ được tạo tác sau. Đây là kinh nghiệm của người thợ để đảm bảo thời gian sản xuất một mẻ gốm trong một khoảng ngắn nhất có thể, đồng thời cũng giúp các loại hình sản phẩm khô đều nhau trước khi đưa vào lò nung. Lò nung: người Chăm thường nung lộ thiên trên mặt đất. Ngày được chọn để nung gốm là ngày nắng ráo. Tùy vào số lượng gốm nhiều hay ít mà thời gian để nung nhanh hay chậm. Thông thường người ta xem hướng gió để có cách sắp xếp gốm và củi phù hợp. Gốm được sắp xếp theo thứ tự: nhỏ đến lớn, dày đến mỏng.

Củi được sắp xếp thành hàng ngang vuông góc với hướng gió thì gốm sẽ chín đều, không bị nở và vỡ. Sau khi gốm được xếp thì họ bắt đầu nung gốm. Nguyên liệu chính để nung gốm gồm củi, rơm. Lúc đầu cho cành cây, củi nhỏ vào để bén lửa nhỏ, dần dần cho những khúc củi to hơn. Củi để đốt phải là củi chắc và cháy đượm thì chất lượng sản phẩm mới cao. Người Chăm thường chọn vị trí để nung gần nguồn nước tiện cho việc tưới rơm. Rơm được phủ lên gốm để giữ nhiệt. Trong thời gian nung, phải luôn có người túc trực để giữ cho lửa cháy đều. Sản phẩm: sản phẩm của nghề gốm Chăm khá phong phú, gồm nhiều kiểu loại, hình dáng, kích cỡ khác nhau, chủ yếu là các vật dụng sử dụng hàng ngày như: nồi đất, bình hoa, bình, bát, ấm đun nước, chậu, hũ,... Đây là loại gốm trơn, không tráng men, ít tinh xảo và có vẻ hơi thô.

Để đồ gốm được bền, trước khi sử dụng người ta thường ngâm đồ gốm trong nước (có thể dùng nước vo gạo) khoảng từ 4 - 8 tiếng, việc này giúp đất nung nở ra, bịt kín các lỗ hở li ti mà mắt thường không nhìn thấy. Sau khi ngâm nước, cho các sản phẩm vào dung dịch nước muối và đun sôi từ 5 - 10 phút, việc này giúp các sản phẩm giãn nở đều, tránh bị vỡ nứt trong quá trình sử dụng. Khi lau rửa, rửa đồ gốm sử dụng giẻ hoặc tay, không dùng miếng rửa kim loại vì sẽ làm trầy lớp men của sản phẩm. Ngoài ra, tránh dùng các dung dịch có tính axit cao như chanh, giấm để chùi rửa đồ gốm, vì tính axit của chanh hay giấm sẽ làm mòn và khiến lớp men bên ngoài của sản phẩm bị xuống màu.

Nghề làm gốm Chăm là một trong các nghề thủ công truyền thống độc đáo, mang trong mình bản sắc văn hóa, phản ánh sự sáng tạo của tộc người. Đã có thời kỳ nghề này phát triển rực rỡ ở vùng Đông Nam Á, vào lúc nông nhàn hầu như gia đình nào cũng làm gốm. Tuy nhiên đến nay nghề gốm Chăm chỉ còn tồn tại ở làng gốm Bàu Trúc (tỉnh Ninh Thuận), làng gốm Bình Đức (tỉnh Bình Thuận) và làng gốm Karango (tỉnh Lâm Đồng) - làng gốm đồng dạng với gốm Chăm.

Sản phẩm gốm của người Chăm Ninh Thuận ngày càng phát triển phong phú, đa dạng và rất được ưa chuộng trên thị trường, đặc biệt là thị trường du lịch để làm quà tặng, sử dụng trong đời sống hàng ngày, trưng bày mỹ thuật, trang trí nội thất,... Ngày nay, gốm Chăm đã có sự cách điệu từ hình mẫu đến họa tiết trang trí, các sản phẩm làm ra đều có xu hướng làm vật trưng bày trong nhà ở, khách sạn, nhà hàng cao cấp như: lọ hoa, bình nước, đèn ngủ, đèn trang trí, các hình tượng văn hóa Chăm,... được sử dụng trong trang trí nghệ thuật và trở thành những sản phẩm nổi tiếng được tiêu thụ trong nước và quốc tế, đồng thời là sản phẩm lưu niệm cho du khách tham quan. Ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống làng nghề thông qua việc dạy lớp trẻ làm gốm có từ rất sớm ở Bàu Trúc. Người dân làng nghề không ngừng tìm tòi và nâng cao chất lượng và kỹ thuật nung để tạo ra những sản phẩm gốm đẹp và dễ tiếp cận thị trường hơn. Năm 2012, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định đưa nghề làm gốm của người Chăm tỉnh Bình Thuận vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, loại hình Nghề thủ công truyền thống.

**Người biên soạn:** Đặng Hoàng Hải

## 5. Kết luận

Nghề thủ công truyền thống của các dân tộc thiểu số hình thành và phát triển cùng với sự hình thành các mừng bản. Việc bảo tồn giá trị văn hóa của làng bản chính là việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Bài viết đề cập đến cơ sở lý thuyết và cơ sở thực tiễn, từ đó đề xuất mô hình cấu trúc của công trình *Bách khoa thư nghề gốm truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam*. Hy vọng trong tương lai, công trình này

sớm được triển khai đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của độc giả, góp phần lưu giữ và quảng bá hình ảnh các dân tộc thiểu số Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2002.
- [2] Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Tập 3, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2003.
- [3] Phạm Lý Hương, “Nghề làm gốm bằng tay của người Chăm ở Thuận Hải”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1+2, tr.46-51, 1988.
- [4] Vũ Ngọc Khánh, *Từ điển Việt Nam văn hóa tín ngưỡng phong tục*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2009.
- [5] Phan Ngọc Liên (Chủ biên), *Từ điển phổ thông ngành nghề truyền thống Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2000.
- [6] Phạm Đức Mạnh, “Vài nét về làng gốm cổ truyền làm bằng tay của người Chu Ru ở Đơn Dương (Lâm Đồng)”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr.71-73, 1995.
- [7] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Đà Nẵng - Hà Nội, 2000.
- [8] Sakaya, *Gốm người Chăm Bàu Trúc - Ninh Thuận*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2015.
- [9] Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.
- [10] Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984.
- [11] La Công Ý, “Nghề làm gốm của người Thái ở Mường Chanh”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, 2002.
- [12] Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1999.